

Số: *310*...../QĐ-UBND

Tân Yên, ngày ...*11*... tháng 4 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu đô thị Tiên Phan, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;  
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;  
Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/07/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định 17/2017/QĐ-UBND ngày 18/7/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quyết định số 318/2013/QĐ-UBND ngày 18/7/2013;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tỷ lệ 1/5.000;

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 15/03/2018 của Chủ tịch UBND huyện Tân Yên về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu đô thị Tiên Phan, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên;

Xét Báo cáo thẩm định số 16/BC-KTHT ngày 9 tháng 4 năm 2019 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) khu đô thị Tiên Phan, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên (có đồ án quy hoạch chi tiết kèm theo), với nội dung sau:

**1. Vị trí, ranh giới, quy mô và tính chất khu vực lập quy hoạch:**

**a. Vị trí, ranh giới khu đất:**

\* **Vị trí:** Khu vực lập quy hoạch nằm ở phía Đông xã Nhã Nam, huyện Tân Yên (thuộc đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên).

\* **Ranh giới nghiên cứu:**

- Phía Bắc: Giáp khu ruộng canh tác;
- Phía Nam: Giáp khu dân cư hiện trạng và ruộng canh tác;
- Phía Đông: Giáp QL17 và khu ruộng canh tác;
- Phía Tây: Giáp ruộng canh tác.

**b. Quy mô đồ án:**

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 6,897ha.

- Quy mô dân số khoảng 1008 người.

c. *Tính chất*: Là Khu đô thị mới với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, trong Khu đô thị bố trí các công trình chức năng cấp khu ở như: Khu dân cư, cây xanh, nhà văn hóa... đáp ứng nhu cầu đất ở cho nhân dân địa phương và các vùng lân cận.

## 2. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai và hạ tầng kỹ thuật:

a. *Quy mô dân số khoảng 1.008 người.*

b. *Đất đai*:

- Đất nhà ở biệt thự: 200 - 250 m<sup>2</sup>/lô;

- Đất nhà ở liên kề: 80 - 120 m<sup>2</sup>/lô;

- Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ - thương mại: 2 m<sup>2</sup>/người;

- Đất giao thông nội thị:  $\geq 18\%$ ;

- Đất cây xanh: 5 - 7m<sup>2</sup>/người.

c. *Hạ tầng kỹ thuật*:

- *Cấp điện*:

+ Nhà ở liền kề: 5 kw/hộ;

+ Nhà ở biệt thự: 7 kw/hộ;

+ Công trình công cộng: 15-30 W/ m<sup>2</sup> sàn.

+ Đất giáo dục mầm non: 0,15 kw/1 cháu;

+ Chiếu sáng đường: 7,5 kW/km.

- *Cấp nước*:

+ Cấp nước sinh hoạt: 80-100 lít/người/ngày đêm;

- *Thoát nước bản*:  $\geq 80\%$  chỉ tiêu cấp nước.

- *Chất thải rắn*: 0,9 kg/người/ ngày.

## 3. Cơ cấu sử dụng đất:

Tổng hợp sử dụng đất						
STT	Ký hiệu	Loại đất	Đơn vị	Số lô đất chia	Diện tích	Tỷ lệ (%)
I		Đất ở	(m <sup>2</sup> )	252	24.322	35,26%
I.1	CL	Đất ở chia lô mới		246	23.115	33,51%
	CL-01	Đất ở chia lô mới	(m <sup>2</sup> )	26	2.291	3,32%
	CL-02	Đất ở chia lô mới	(m <sup>2</sup> )	36	3.308	4,80%
	CL-03	Đất ở chia lô mới	(m <sup>2</sup> )	26	2.401	3,48%
	CL-04	Đất ở chia lô mới	(m <sup>2</sup> )	26	2.405	3,49%
	CL-05	Đất ở chia lô mới	(m <sup>2</sup> )	18	1.630	2,36%
	CL-06	Đất ở chia lô mới	(m <sup>2</sup> )	26	2.302	3,34%
	CL-07	Đất ở chia lô mới	(m <sup>2</sup> )	34	3.150	4,57%

	CL-08	Đất ở chia lô mới	(m <sup>2</sup> )	21	1.985	2,88%
	CL-09	Đất ở chia lô mới	(m <sup>2</sup> )	13	1.208	1,75%
	CL-10	Đất ở chia lô mới	(m <sup>2</sup> )	20	2.435	3,53%
<b>I.2</b>	<b>BT</b>	<b>Đất biệt thự</b>	<b>(m<sup>2</sup>)</b>	<b>6</b>	<b>1.207</b>	<b>1,75%</b>
	BT	Đất biệt thự	(m <sup>2</sup> )	6	1.207	1,75%
<b>II</b>	<b>CX+CC</b>	<b>Đất cây xanh+công cộng</b>	<b>(m<sup>2</sup>)</b>		<b>7.648</b>	<b>11,09%</b>
<b>III</b>	<b>DT</b>	<b>Đất Di tích</b>	<b>(m<sup>2</sup>)</b>		<b>297,5</b>	<b>0,41%</b>
<b>IV</b>		<b>Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật</b>	<b>(m<sup>2</sup>)</b>		<b>36.721</b>	<b>53,24%</b>
<b>V</b>		<b>Tổng</b>	<b>(m<sup>2</sup>)</b>		<b>68.969,9</b>	<b>100,0%</b>

#### **4. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:**

##### **4.1. Các nguyên tắc tổ chức không gian.**

- Khu vực xây dựng mới có hệ thống hạ tầng đồng bộ, kiến trúc hiện đại và có môi trường cảnh quan đẹp tạo được nét đặc trưng riêng;

- Bố trí các công trình công cộng trên các trục đường chính tạo điểm nhìn đẹp đảm bảo bán kính phục vụ;

- Hệ thống cấp điện và các đường ống khác chạy qua khu đất quy hoạch phải dịch chuyển theo tuyến đường quy hoạch để đảm bảo thuận lợi cho sinh hoạt và mỹ quan khu vực;

- Thông tin bưu điện, cấp nước và thoát nước phải được tiếp nối vào từng lô đất xây dựng một cách thuận lợi;

- Chất thải rắn phải được thu gom và xử lý, hạn chế đến mức cao nhất ô nhiễm môi trường trong quá trình xây dựng cũng như vận hành.

##### **4.2. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan.**

- Với định hướng quan điểm xây dựng hiện đại và đồng bộ khu dân cư, vì vậy việc tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc phải tạo được bộ mặt đô thị có môi trường cảnh quan hấp dẫn, đa dạng, hợp lý, tiện nghi, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và nghỉ ngơi tốt nhất cho người dân sống trong khu dân cư. Không gian khu vực lập quy hoạch được tổ chức như sau:

- Quy hoạch tuyến đường vành đai có chiều rộng 15m lòng đường vỉa hè 5m để khu dân cư kết nối thuận lợi, đảm bảo an toàn, tạo không gian thoáng và điểm nhấn cho lối vào khu dân cư;

- Khu dân cư được bao bọc và kết nối với tuyến đường giao thông QL17 theo quy hoạch chung thị trấn Nhã Nam, vì vậy rất thuận lợi cho việc tổ chức giao thông, bố trí chức năng các lô đất hợp lý và tiết kiệm;

- Trong khu dân cư bố trí lối khuôn viên cây xanh, nhà văn hóa đảm bảo bán kính phục vụ;

- Khu nhà ở liền kề có bố trí theo các trục đường chính, hướng mặt tiền chủ đạo là hướng Đông Nam và Tây Bắc;

- Khu cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước được bố trí ở trung tâm của khu dân cư tạo cảnh quan đẹp, không gian thoáng, cải thiện vi khí hậu và môi trường.

## **5. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:**

### **5.1. San nền:**

- Cao độ hiện trạng khu vực quy hoạch chủ yếu là ruộng canh tác nông nghiệp, có địa hình tương đối bằng phẳng dốc nhỏ, cao độ tự nhiên thấp nhất +15,60m cao độ cao nhất +17,89 m. Hướng thoát nước chủ yếu về phía Nam đổ vào cống D1200 qua đường QL17.

- Tổ chức san lấp tạo mặt phẳng thoát nước từ phía Bắc xuống phía Nam, từ Đông sang Tây.

- Mặt nền trong toàn khu vực sau khi hoàn thiện việc san lấp đạt cao độ nền không chệch, độ dốc ngang theo mặt bằng quy hoạch, cần lu, lèn và tạo độ dốc ta luy hoặc gia cố mái taluy đảm bảo sự ổn định cho nền sau khi san lấp.

- Sau khi hoàn thiện mặt nền đảm bảo thoát nước mặt nhanh nhất.

- Cốt san nền thiết kế được lấy theo cốt thiết kế các tuyến theo quy hoạch.

- Cốt san nền thấp nhất là +17,30 m; cốt san nền cao nhất là +17,80 m.

\* *Thiết kế san nền: Chia làm 2 bước:*

+ Thiết kế san nền giai đoạn sơ bộ nhằm dự trữ khối lượng đất san nền trong phạm vi của dự án tới cao độ xây dựng, tính khối lượng theo phương pháp lưới ô vuông kích thước 20\*20m;

+ San nền chi tiết: Khi xây dựng hạ tầng kỹ thuật sẽ thiết kế chi tiết san nền từng lô cụ thể, hoàn thiện sân đường nội bộ.

### **5.2. Giao thông:**

#### **a) Mạng lưới:**

Mạng lưới đường của khu đô thị được thiết kế mới và mở rộng kết hợp với mạng lưới đường hiện có tạo thành một mạng lưới liên hoàn, đảm bảo sự liên kết giữa các khu chức năng trong đô thị. Theo hướng tôn trọng định hướng của đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt.

#### **b) Hệ thống đường:**

Khu dân cư Tiến Phan, xã Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với quy mô như sau:

**Tuyến 1: Chiều dài tuyến 227,3m.** Chiều rộng mặt:  $B_m = 15,0m$ ; chiều rộng nền:  $B_n = 25,0m$ , Chiều rộng hè:  $B_h = 2 \times 5,0m = 10m$ , Độ dốc ngang mặt đường:  $i = 2,0\%$ , độ dốc ngang hè đường:  $i = 1,5\%$ , Ta luy đào; đắp:  $i = 1/1$ .

**Tuyến 2: Chiều dài tuyến 1652m.** Chiều rộng mặt:  $B_m = 7,5m$ , chiều rộng nền:  $B_n = 16,5m$ , Chiều rộng hè:  $B_h = 2 \times 4,5m = 9,0m$ , Độ dốc ngang mặt đường:  $i = 2,0\%$ , độ dốc ngang hè đường:  $i = 1,5\%$ ; Ta luy đào; đắp:  $i = 1/1$ .

**Tuyến 3: Chiều dài tuyến 37,3m.** Chiều rộng mặt:  $B_m = 7,5m$ , Chiều rộng

nền:  $B_n = 16,0\text{m}$ , chiều rộng hè:  $B_h = 4,0 + 4,5\text{m} = 8,5\text{m}$ , độ dốc ngang mặt đường:  $i = 2,0\%$ , độ dốc ngang hè đường:  $i = 1,5\%$ , Ta luy đào; đắp:  $i = 1/1$ .

**Tuyến 4: Chiều dài tuyến 65m.** Chiều rộng mặt:  $B_m = 7,5\text{m}$ , chiều rộng nền:  $B_n = (16,5 \sim 18,9)\text{m}$ , chiều rộng hè:  $B_h = 4,5 + (4,5 \sim 6,9)\text{m} = (9,0 \sim 11,4)\text{m}$ , độ dốc ngang mặt đường:  $i = 2,0\%$ , độ dốc ngang hè đường:  $i = 1,5\%$ , ta luy đào; đắp:  $i = 1/1$ ;  $1/1$

**Tuyến 5: Chiều dài tuyến 85m.** Chiều rộng mặt:  $B_m = 7,5\text{m}$ , chiều rộng nền:  $B_n = (16,5 \sim 20,4)\text{m}$ , Chiều rộng hè:  $B_h = 4,5 + (4,5 \sim 8,4)\text{m} = (9,0 \sim 12,9)\text{m}$ , độ dốc ngang mặt đường:  $i = 2,0\%$ , độ dốc ngang hè đường:  $i = 1,5\%$ , Ta luy đào; đắp:  $i = 1/1$ ;  $1/1$ .

#### **Kết cấu đường sử dụng**

- Nền đường và mặt đường :

+ Lớp BTNC 12.5 dày 5cm.

+ Tưới nhựa dính bảm 0.5kg/m<sup>2</sup>.

+ Lớp BTNC 19 dày 7cm.

+ Tưới nhựa dính bảm 1,0kg/m<sup>2</sup>.

+ Lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.

+ Lớp cấp phối đá dăm loại 2 dày 18cm.

+ Lớp đất đắp K98 dày 50cm.

#### **5.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước**

\* **Nguồn nước:** Nguồn nước cấp cho khu vực được đầu nối lấy từ đường ống cấp nước sạch đã có của thị trấn Nhã Nam trên đường QL17 đoạn qua khu vực.

##### **\* Giải pháp thiết kế:**

- Lắp đặt mạng lưới cấp nước, căn cứ vào các tiêu chuẩn dùng nước xác định được đường kính ống lớn nhất là D110 và nhỏ nhất là D50, đường ống được dùng là ống nhựa HDPE PN10. Các tuyến ống được lắp đặt phía trước nhà và có đồng hồ van chặn để tiện cho công tác quản lý. Không lắp đặt van xả khí trên mạng lưới vì các họng lấy nước của các hộ tiêu thụ có nhiệm vụ thay thế van xả khí.

- Mạng lưới đường ống được tổ chức theo sơ đồ vòng kết hợp nhánh cụt xương cá. Nước sinh hoạt được cấp vào bể ngầm của hộ tiêu thụ qua tuyến ống dịch vụ là ống HDPE D63.

- Đường ống được đặt dưới vỉa hè có độ sâu 0.6 m, qua đường là 0.7-0.8m.

#### **5.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước**

##### **a) Giải pháp thiết kế.**

- Căn bản vẫn giữ nguyên hướng thoát nước theo tự nhiên Bắc - Nam và tuân thủ theo định hướng thiết kế san nền. Tất cả nước mưa trên lưu vực quy hoạch và các lưu vực có liên quan sẽ được thu gom và đổ vào các tuyến cống chạy dọc hè và xả ra mương thoát nước nối với cống D1200 qua đường QL17 hiện có phía Nam dự án.

- Toàn bộ nước mưa trong khu quy hoạch được tập trung ra phía đường rồi chảy vào hệ thống cống tròn BTCT chạy dưới lòng đường thông qua hệ thống hố ga thu nước trực tiếp, sau đó đổ vào cống thoát nước chính.

- Kết cấu cống thoát nước sử dụng cống tròn BTCT chịu lực nằm dưới lòng đường, với các khẩu độ cống là: D400; D600; D800; D1000; D1200. Hệ thống cống thoát nước mưa kết hợp với cống hoàn trả mương hiện tại sử dụng cống D1000. Cống xả đoạn cuối sử dụng cống D1200. Cống thu nước ngang đường sử dụng cống D400.

- Dọc theo các tuyến cống xây dựng các hố ga kiểm tra chế độ làm việc của hệ thống. Khoảng cách các hố ga trung bình 20-30m, ngoài ra tại những vị trí giao cắt, chuyển hướng dòng chảy cần bổ sung thêm hố ga cho phù hợp.

#### *b) Hệ thống thoát nước thải.*

- Xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải riêng rẽ với mạng - Xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải riêng rẽ với mạng lưới thoát nước mưa.

- Lưu lượng nước thải: Tính bằng 80% lưu lượng cấp nước sinh hoạt.

- Nước thải của các hộ được thu về rãnh thoát nước phía sau nhà xây gạch kích thước B400, B600 sau đó thoát ra hệ thống cống thoát chính D400, D600.

- **Toàn bộ nước thải của khu vực lập quy hoạch thoát vào tuyến cống chính D600, Nước thải được thu gom dẫn về bể lắng nước thải công suất (lấy tròn)  $Q_{bể xử lý} = 2 \times 250 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$ , đặt trong lô cây xanh và lô đất công cộng gần cống thoát nước D1200 qua đường QL17. Nước thải sau khi được xử lý được thoát vào hệ thống kênh mương thủy lợi).**

- Độ dốc tối thiểu của tuyến cống  $i = 1/D$ .

#### **5.5. Cấp điện:**

Nguồn điện: Vị trí đầu nối tại đường dây 22kV chạy qua dự án

Đường dây trung thế 22KV:

Tại khu vực nghiên cứu bố trí các trạm biến áp để cấp điện cho khu vực quy hoạch. Đầu nối đường dây 22KV thuộc cột điện đã có để phân bổ vào các trạm biến áp. Đường dây 22KV xây mới sử dụng đường trục dây dẫn cáp bọc 1 lõi AC/XLPE có tiết diện là  $185 \text{ mm}^2$  và rẽ nhánh vào các trạm biến áp sử dụng dây dẫn AC/XLPE có tiết diện là  $70 \text{ mm}^2$ . Đặt trên cột ly tâm, có treo hệ thống chống sét đánh thẳng và lan truyền theo tiêu chuẩn hiện hành

Trạm biến áp: Đặt ở khu đất cây xanh và mép đường không có nhà dân ở. chọn 02 máy biến áp ki ốt 630kva -22/0.4kv (Chưa tính công suất tiêu thụ điện cho khu nhà cao tầng).

- Khu nhà cao tầng do mức độ tiêu thụ điện lớn nên chọn riêng biệt một trạm biến áp ki ốt 630kva -22/0.kv cho khu này.

- Kiểu trạm: trạm biến áp Kios hợp bộ, máy biến áp được đặt trên bệ bê tông cốt thép và bảo vệ bởi khung vỏ trạm.

- Vị trí Trạm biến áp: Trạm biến áp được thiết kế nằm trong chỉ giới của khu đất quy hoạch của dự án.

Đường dây điện hạ thế 0,4KV:

- Phương án cấp điện: nguồn điện cấp cho sinh hoạt và chiếu sáng khu dân cư được lấy từ các TBA 560kVA xây dựng mới.

- Kiểu đường dây: đi ngầm trong rãnh hoặc mương hoặc hào cáp.

- Dây dẫn: từ tủ điện tổng tới các tủ công tơ và các tủ hạ thế các khu đất của công trình dùng cáp đồng Cu/XLPE/DSTA/PVC -0,6kV với các loại cáp có tiết diện  $3 \times 120 + 1 \times 70$ ;  $3 \times 95 + 1 \times 50$ ;  $3 \times 70 + 1 \times 35$ ;  $\text{mm}^2$ ... tùy thuộc phụ tải sử dụng tiết diện cáp phù hợp.

- Tủ phân phối: lắp đặt các aptomat phân phối cấp điện tới các công tơ cấp điện, được chế tạo bằng nhựa chống cháy composite theo tiêu chuẩn ngành chứa 6 đến 10 công tơ. Tủ lắp đặt át tô mát tổng và át tô mát với các lộ liên thông, đặt trên bệ bê tông mác M200.

- Rãnh cáp được đào sâu  $0,7 \div 1\text{m}$  so với cốt san nền. Đoạn cáp qua đường rãnh cáp được đào sâu hơn rãnh cáp trên vỉa hè từ  $0,2 - 0,3\text{m}$  cách mép vỉa hè  $0,5\text{m}$  đặt ống nhựa luồn cáp chịu lực để luồn cáp.

#### Đường dây điện chiếu sáng:

Lưới điện chiếu sáng đèn đường trong khu sử dụng lưới điện đi chìm. Trên trục đường chính, các đường nhánh trong khu vực sử dụng lưới điện chiếu sáng dùng tiết diện cáp chiếu sáng từ  $16 - 25\text{mm}^2$ .

Hệ thống rãnh cáp chiếu sáng được đào với kích thước miệng  $0,5\text{m}$ ; kích thước đáy  $0,3\text{m}$ ; sâu  $0,7 \div 1\text{m}$  so với cốt vỉa hè. Tâm của rãnh cáp cách mép bó vỉa từ  $0,5$  đến  $1\text{m}$ .

#### Lưới 22kV:

- Dịch chuyển đường dây 22kV hiện hữu chạy qua khu đất của dự án; dây được đi nổi lên trên vỉa hè cách bó vỉa  $0,5$  đến  $1\text{m}$ .

+ Tổng chiều dài đường dây dịch chuyển và xây mới  $394,24\text{m}$ .

+ Toàn bộ hệ thống đường dây 22kV được đi nổi trên cột bê tông ly tâm cao  $18\text{m}$ , dây dẫn đi dây nhôm Al/xlpe-150.

#### **5.6 Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.**

- Hệ thống hào cáp có đặt sẵn ống PVC dùng để đi các đường cáp điện sinh hoạt cho các lô nhà và đường cáp thông tin. Hào cáp được đặt trong phần vỉa hè của đường, ống luồn dây cáp điện dùng loại; Ống nhựa xoắn chịu lực D130/100 luồn cáp điện lực, ống nhựa chịu lực HDPE D110 luồn cáp thông tin và ống thép D100, D150 cho các đoạn cáp đi trong hào qua đường. Trên hệ thống hào cáp kỹ thuật có bố trí các hố ga và khoảng cách các hố ga kỹ thuật tùy thuộc vào địa hình;

- Hiện trạng khu vực quy hoạch có đường thông tin chạy qua sẽ được hạ ngầm và đầu trả để đảm bảo mỹ quan khu vực quy hoạch;

- Toàn bộ các tủ đầu cáp, hệ thống cáp, các thiết bị đầu cuối sẽ tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ;

#### **6. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng:**

- Xây dựng hệ thống giao thông, cấp thoát nước, cấp điện và thông tin liên lạc;

- Xây dựng nhà văn hóa Khu đô thị;
- Khu nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự, nhà vườn...

*(có thuyết minh chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý quy hoạch có trách nhiệm quản lý, giám sát tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Văn phòng HĐND&UBND huyện, phòng KT&HT, TC-KH, TN-MT, UBND thị xã Nhã Nam và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

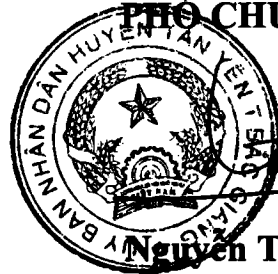
- Lưu: VT;

**Bản điện tử:**

- Như điều 3;

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thái Lai**